

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 26 - 8- 2022

V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên.

2. Bà Hoàng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 26/8/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 132/2022/TLST - HNGĐ ngày 13/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1982. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 18, khu phố 4C, phường D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn K, sinh năm 1982. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2022 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn K kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm hiểu gần 02 năm. Có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2007 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng ở xã Đ sinh sống. Vợ chồng sống chung được thời gian thì giữa chị và anh T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến chị, mặc dù chị đã cố gắng hòa hợp tâm sự với anh T nhưng kết quả anh T vẫn không thay đổi, nên tinh thần rất nặng nề, trong khi chị đang mang thai buộc chị phải về ngoại để chăm sóc chờ

sinh nở. Trong quá trình sinh con cho đến khi con được 18 tháng, anh T không đến thăm mẹ con chị. Vì vậy, chị quyết định bồng con vào miền Nam tìm việc làm nuôi con một mình cho đến nay đã 14 năm và cũng là 14 năm vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Anh Thư, sinh ngày 25/9/2008. Hiện nay cháu Thư đang ở với chị. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Chị không yêu không cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/6/2022, anh Lê Văn K trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị T lấy nhau do 02 bên tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2007 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Đ, đến tháng 06/2008 chị T bỏ về mẹ đẻ ở, từ đó đến nay không quay về nhà anh. Trong thời gian chị T bỏ về nhà mẹ đẻ, anh và gia đình có lên động viên nhưng chị T không về, mặc dù vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh cũng động viên nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Vũ Anh Thư, sinh ngày 25/9/2008. Hiện nay cháu Thư đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thư. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T, anh K xin vắng mặt và đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{ 1 } Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh K là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Chị T, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh K là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị T và anh K sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Chị T và anh K có 01 con chung là cháu Vũ Anh Thư, sinh ngày 25/9/2008. Nguyên vọng của chị T xin được trực tiếp nuôi con. Anh K cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thư. HĐXX xét thấy quan điểm của hai bên là thống nhất nên được ghi nhận cho chị T trực tiếp nuôi con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị T và anh K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Văn K.

Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung. Giao cháu Vũ Anh Thư, sinh ngày 25/9/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị T đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003502 ngày 13/6/2022. Chấp nhận T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị T và anh K trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng